

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/LĐ-ST
Ngày: 05-7-2022
V/v tranh chấp yêu cầu tuyên bố
Hợp đồng lao động vô hiệu”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Bảo - Cán bộ hưu trí

Bà Nguyễn Phương Ly - Phó chủ tịch Liên đoàn
Lao động thành phố Nam Định.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành
phố Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định
xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án Lao động thụ lý số 02/2022/TLST-LĐ
ngày 18 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô
hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-LĐ ngày 27
tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-LĐ ngày 16-6-
2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần M; địa chỉ trụ sở: Số 52/93 đường Q, phường
Q, thành phố N, tỉnh Nam Định. Người đại diện theo pháp luật: Ông Triệu Đức K;
chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty. Người đại diện theo ủy quyền: Bà
Nguyễn Thị Minh Ng; chức vụ: Trưởng phòng tổ chức hành chính của Công ty
(giấy ủy quyền số 69/GUQ-MT ngày 18-3-2022); có mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Ng1, sinh ngày 09-3-1979; số căn cước công dân
036179003***; nơi cư trú: Số nhà 11B/18/77 đường Tô Hiến Thành, phường Mỹ
Xá, thành phố N, tỉnh Nam Định; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định; địa chỉ trụ sở: Số 122 đường Nguyễn Đức
Thuận, phường Thống Nhất, thành phố N, tỉnh Nam Định. Người đại diện theo
pháp luật: Ông Trần Văn D; chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định;

người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung T; chức vụ: Trưởng phòng quản lý thu Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định (Giấy ủy quyền số 1234/GUQ –BHXH ngày 21-4-2022); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chị Hoàng Thị Thanh Ng2, sinh ngày 15-6-1979; địa chỉ: Miền T, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Trần Thị M, sinh năm 1976; căn cước công dân số 036176014***; nơi cư trú: Số nhà 5/147 đường L, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định; có mặt

2. Chị Trần Thị M1, sinh năm 1978; căn cước công dân số 036178010***; nơi cư trú: Số nhà 5/8/54 đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 3 năm 2022, bản tự khai ngày 07-4-2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, đại diện Công ty Cổ phần M trình bày:

Công ty M đăng ký thay đổi lần 3 vào năm 2016 thành Công ty Cổ phần M.

Giữa Công ty M (nay là Công ty Cổ phần M) và chị Trần Thị Ng1 có quan hệ lao động trên thực tế. Trong các năm 2001, năm 2002, năm 2003, Công ty nhận chị Trần Thị Ng1 vào làm hợp đồng thời vụ. Mỗi năm chị Trần Thị Ng1 đi làm một số tháng để thay thế lao động trong công ty nghỉ ốm, nghỉ thai sản. Đến ngày 31-12-2003, công ty M có quyết định ký hợp đồng không xác định thời hạn số 29/QĐTC-CTMT ngày 31-12-2003 với chị Trần Thị Ng1. Quyết định có hiệu lực từ ngày 01-01-2004. Chị Trần Thị Ng1 được phân công làm nhiệm vụ thu gom rác dưới sự điều hành trực tiếp của Đội trưởng Đội môi trường số II từ đó đến nay và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ đó đến nay, mã số bảo hiểm 8904005***.

Tháng 11 năm 2021, Công ty yêu cầu toàn bộ cán bộ công nhân viên, trường hợp nào đã có căn cước công dân 12 số hoặc căn cước công dân gắn chip nộp về công ty để lưu trữ hồ sơ cán bộ công nhân viên và điều chỉnh thông tin khi cần. Khi chị Trần Thị Ng1 nộp căn cước công dân số 036179003*** thì Công ty phát hiện thông tin trên căn cước công dân không trùng khớp với thông tin quản lý sổ sơ đi làm của chị. Công ty đã yêu cầu chị Trần Thị Ng1 tường trình về việc lý do tên của chị là Trần Thị Ng1 nhưng khi nộp hồ sơ xin việc cho Công ty chị lại lấy tên là Hoàng Thị Thanh Ng2. Chị Trần Thị Ng1 trình bày lý do như sau: Thời điểm chị nộp hồ sơ xin việc vào công ty M năm 1999, để được nhận vào làm việc, công ty yêu cầu người lao động phải có bằng cấp 2 trở lên. Vì chị Trần Thị Ng1 không có bằng cấp 2 nên chị đã mượn bằng cấp 2 của người mang tên Hoàng Thị Thanh Ng2 để làm hồ sơ tuyển dụng. Toàn bộ hồ sơ giấy tờ đi làm của chị đều mang tên Hoàng Thị Thanh Ng2, sinh ngày 15-6-1979 để khớp với bằng tốt nghiệp phổ thông cơ sở.

Vào thời điểm năm 2004 Công ty Cổ phần M có tên gọi là Công ty M có

100% vốn Nhà nước, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định. Thời gian đó tất cả người lao động vào làm việc trong Công ty thì Công ty chỉ ra Quyết định về việc ký Hợp đồng lao động do Giám đốc Công ty ký. Nội dung của Quyết định có đầy đủ nội dung của Hợp đồng lao động theo qui định của pháp luật. Hiện tất cả hồ sơ cán bộ công nhân viên lưu trữ tại Công ty thời gian đó đều thể hiện Hợp đồng lao động bằng hình thức Quyết định.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13-4-2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là chị Trần Thị Ng1 trình bày:

Tên của chị là Trần Thị Ng1, sinh ngày 09-3-1979 nhưng trong hồ sơ lý lịch của chị lưu tại Công ty Cổ phần M chị lấy tên Hoàng Thị Thanh Ng2, sinh ngày 15-6-1979, lý do: Do chị không đi học vì vậy chị không biết chữ, nay chị chỉ biết viết tên của chị. Năm 1999 bố chị là Trần Mạnh X (sinh năm 1950; nơi cư trú: Thôn T, xã L, nay là số nhà 7/147 đường L, phường L, thành phố N; đã chết ngày 12-3-2022) đã nộp hồ sơ xin việc cho chị vào làm tại Công ty M nay là Công ty Cổ phần M. Cụ thể hồ sơ xin việc của chị gồm những giấy tờ gì thì chị không được biết vì bố chị là người nộp hồ sơ. Để được vào làm công nhân của Công ty thì người lao động phải có bằng tốt nghiệp phổ thông cơ sở. Vì chị không có bằng tốt nghiệp phổ thông cơ sở nên bố chị đã mượn bằng của Hoàng Thị Thanh Ng2 ở xã L (nay là phường L), thành phố N để nộp vào Công ty cho chị. Hiện nay chị Hoàng Thị Thanh Ng2 địa chỉ ở đâu chị không biết. Vì bằng tốt nghiệp phổ thông cơ sở của chị Hoàng Thị Thanh Ng2 ghi sinh ngày 15-6-1979 nên bố chị đã làm hồ sơ lý lịch của chị để nộp vào Công ty ghi tên Hoàng Thị Thanh Ng2 sinh ngày 15-6-1979 cho khớp với họ tên và ngày, tháng, năm sinh ghi trong bằng tốt nghiệp phổ thông cơ sở.

Về loại hợp đồng lao động, công việc, thời gian bắt đầu làm việc, tiền lương, bảo hiểm, chế độ lao động chị thống nhất như lời trình bày của đại diện Công ty Cổ phần M.

Sau khi ký hợp đồng lao động số không xác định thời hạn số 29/QĐTC-CTMT ngày 31-12-2003 với Công ty M chị được phân công nhiệm vụ làm công nhân thu gom rác tại tổ số 5 đội Môi trường số II (nay là tổ thu gom rác phường Trần Đăng Ninh, thành phố N) và chị đã làm việc ở tổ này từ đó đến nay. Chị đã đóng bảo hiểm xã hội từ khi ký Hợp đồng lao động đến nay, số sổ bảo hiểm xã hội của chị là 8904005500. Nay Công ty Cổ phần M yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố N tuyên bố hợp đồng lao động số 29/QĐTC-CTMT ngày 31-12-2003 giữa chị với Công ty M vô hiệu và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu chị hoàn toàn nhất trí.

3. Tại bản tự khai ngày 25-4-2022, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định trình bày: Trên cơ sở dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội do Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định quản lý, không có tên bà Trần Thị Ng1, sinh ngày 09-3-1979; địa chỉ số 11B/18/77 T, phường M, thành phố N, thuộc Công ty Cổ phần M tham gia; chỉ có tên bà Hoàng Thị Thanh Ng2; sinh ngày 15-6-1979; số sổ Bảo hiểm xã hội (mã số BHXH) 8904005500; địa chỉ: Miền T, phường L, thành phố N tham gia; thời gian tham gia

từ tháng 01 năm 2004 đến nay. Hành vi mượn hồ sơ của người khác để đi làm là hành vi gian lận, giả mạo trong việc thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp là hành vi bị nghiêm cấm. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

4. Tại bản tự khai ngày 13-4-2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, người làm chứng là chị Trần Thị M thống nhất như lời trình bày của đại diện Công ty Cổ phần M và bị đơn là chị Trần Thị Ng1.

5. Tại bản tự khai ngày 13-5-2022, người làm chứng là chị Trần Thị M1 trình bày: Chị Trần Thị Ng1 có căn cước công dân số 036179003*** là người đã làm cùng tổ thu gom rác rác phường T, thành phố N thuộc Công ty Cổ phần M với chị từ năm 2002 đến nay.

6. Tại Công văn số 338/PC06 ngày 17-5-2022, Phòng PC06 - Công an tỉnh Nam Định cung cấp: 2 số chứng minh nhân dân tên Hoàng Thị Thanh Ng2 được cấp năm 1996 và năm 2005 do Công an tỉnh Nam Định cấp cho Trần Thị Ng1.

7. Tại Công văn số 111/PTP ngày 19-5-2022 Phòng tư pháp thành phố N cung cấp: Giấy khai sinh tên Hoàng Thị Thanh Ng2 và Trần Thị Ng1 sinh ngày 09-3-1979 không có trong sổ lưu năm 1979 do sổ lưu không còn đầy đủ, sổ đăng ký khai sinh lại năm 2006 không có tên Hoàng Thị Thanh Ng2 và Trần Thị Ng1 sinh ngày 09-3-1979.

8. Tại biên bản xác minh ngày 26-5-2022, đại diện Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định cung cấp: Thí sinh Hoàng Thị Thanh Ng2 sinh ngày 15-6-1979 đã dự kỳ thi tốt nghiệp phổ thông cơ sở khóa thi ngày 26-5-1994 tại Hội đồng thi trường Phổ thông cơ sở L, thành phố N, tỉnh Nam Hà.

9. Tại biên bản xác minh ngày 12-4-2022, công an phường Lộc Vượng, thành phố N cung cấp: Hiện trên địa bàn phường Lộc Vượng, thành phố N không có công dân nào tên Hoàng Thị Thanh Ng2 sinh ngày 15-6-1979.

10. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Chị Hoàng Thị Thanh Ng2 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 5 Điều 32, điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27, Điều 29, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994; khoản 1 Điều 15, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 220 của Bộ luật Lao động năm 2019: Tuyên bố Hợp đồng lao động xác lập giữa Công ty Cổ phần M đối với chị Hoàng

Thị Thanh Ng2, sinh ngày 15-6-1979 vô hiệu toàn bộ. Về xử lý hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Công ty Cổ phần M và chị Trần Thị Ng1 không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Án phí Lao động sơ thẩm: Chị Trần Thị Ng1 phải nộp theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Hợp đồng lao động số 29/QĐTC-CTMT ngày 31-12-2003 được giao kết và thực hiện tại thành phố N. Căn cứ Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019; điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

1.2. Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-3-2022, Công ty Cổ phần M yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố N tuyên bố Hợp đồng lao động giữa Công ty M với chị Hoàng Thị Thanh Ng2 vô hiệu. Do người lao động có hành vi không trung thực khi giao kết hợp đồng lao động, vi phạm điều cấm của pháp luật, xác định tranh chấp lao động không thuộc trường hợp phải thông qua thủ tục hòa giải của Hòa giải viên lao động. Do vậy, tranh chấp trong vụ án được xác định là các tranh chấp về lao động theo qui định tại khoản 5 Điều 32 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Về sự vắng mặt của đương sự trong vụ án:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị Thanh Ng2 đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; đại diện Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị Thanh Ng2 và Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

2.1. Về hợp đồng lao động số 29/QĐTC-CTMT ngày 31-12-2003.

2.1.1. Về Quyết định số 29/QĐTC-CTMT ngày 31-12-2003 của Công ty M (nay là Công ty Cổ phần M)

- Về hình thức: Quyết định số 29/QĐTC-CTMT ngày 31-12-2003 được thể hiện bằng văn bản đúng qui định tại Điều 28 của Bộ luật lao động năm 1994.

- Về nội dung: Quyết định số 29/QĐTC-CTMT ngày 31-12-2003 của Công ty M có các nội dung qui định tại Điều 29 của Bộ luật Lao động năm 1994.

2.1.2. Về hợp đồng lao động số 29/QĐTC-CTMT ngày 31-12-2003

Mặc dù Quyết định số 29/QĐTC-CTMT ngày 31-12-2003 của Công ty M không ban hành theo mẫu tại Điều 2 và Điều 4 Nghị định số 198-CP ngày 31-12-1994 của Chính Phủ nhưng về nội dung và thực tế về thẩm quyền giao kết đảm bảo theo đúng qui định, phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa bên sử dụng lao động và người lao động nên được coi là hợp đồng lao động.

2.2. Xác định quan hệ lao động giữa người sử dụng lao động là Công ty M (nay là Công ty Cổ phần M) với người lao động là Trần Thị Ng1:

Lời trình bày của chị Trần Thị Ng1 về lý do tên thật của chị là Trần Thị Ng1, sinh ngày 09-3-1979 nhưng hồ sơ đi làm của chị lưu tại Công ty Cổ phần M là Hoàng Thị Thanh Ng2, sinh ngày 15-6-1979 phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án như: Lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần M, hồ sơ cán bộ công nhân viên lưu tại Công ty, lời trình bày của đại diện bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định về quá trình tham gia bảo hiểm; lời khai của người làm chứng là chị Trần Thị M, chị Trần Thị M1 là những người làm cùng Công ty với chị Trần Thị Ng1; Công văn số 338/PC06 ngày 17-5-2022 của Phòng PC06- Công an tỉnh Nam Định; Công văn số 111/PTP ngày 19-5-2022 Phòng tư pháp thành phố N; biên bản xác minh ngày 26-5-2022 tại Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định; biên bản xác minh ngày 12-4-2022 tại công an phường Lộc Vượng, thành phố N.

Khi giao kết hợp đồng lao động, chị Trần Thị Ng1 đã mượn bằng tốt nghiệp phổ thông cơ sở của chị Hoàng Thị Thanh Ng2, sinh ngày 15-6-1979; trú tại phường Lộc Vượng, thành phố N và lấy tên là Hoàng Thị Thanh Ng2 trong các giấy tờ đi làm cho khớp với bằng tốt nghiệp phổ thông cơ sở.

Từ những chứng cứ trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Người có tên là Hoàng Thị Thanh Ng2, sinh ngày 15-6-1979; trú quán: Túc Mạc, Lộc Vượng, Nam Định trong Quyết định số 29/QĐTC-CTMT ngày 31-12-2003 của Công ty M không phải là người đã giao kết hợp đồng lao động và không tham gia lao động tại Công ty M. Chị Trần Thị Ng1, sinh ngày 09-3-1979, căn cước công dân số 036179003737, số sổ Bảo hiểm xã hội (mã số BHXH) 8904005500 là người đã giao kết hợp đồng lao động số 29/QĐTC-CTMT ngày 31-12-2003 và tham gia lao động, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 01-01-2004 đến nay tại Công ty M (nay là Công ty Cổ phần M).

2.3. Xét yêu cầu của Công ty Cổ phần M:

2.3.1. Về nguyên tắc giao kết Hợp đồng lao động số 29/QĐTC-CTMT ngày 31-12-2003 giữa Công ty M và chị Trần Thị Ng1:

Khi giao kết Hợp đồng lao động số 29/QĐTC-CTMT ngày 31-12-2003 chị Trần Thị Ng1 đã vi phạm nguyên tắc “trung thực” qui định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật lao động năm 2019, vi phạm nghĩa vụ trung thực trong cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động qui định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật lao động năm 2019 (cung cấp sai thông tin họ, tên; ngày, tháng, năm sinh; trình độ học vấn). Như vậy chị Trần Thị Ng1 đã vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động qui định

tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật lao động năm 2019. Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật lao động năm 2019, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần M, tuyên bố Hợp đồng lao động lao động số 29/QĐTC-CTMT ngày 31-12-2003 giữa người sử dụng lao động là Công ty M (nay là Công ty Cổ phần M) với người lao động là Hoàng Thị Thanh Ng2 vô hiệu toàn bộ.

2.3.2. Về xử lý hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu:

Công ty Cổ phần M không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Cổ phần M và chị Trần Thị Ng1 tự giải quyết. Chế độ bảo hiểm của chị Trần Thị Ng1 được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] *Án phí Lao động sơ thẩm:*

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV: Nguyên đơn là Công ty Cổ phần M được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải nộp án phí Lao động sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được trả lại. Bị đơn là chị Trần Thị Ng1 phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ Điều 26, Điều 27, Điều 29, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994;*

- *Căn cứ khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16; điểm b khoản 1 Điều 49; Điều 50, khoản 2 Điều 220 của Bộ luật Lao động năm 2019;*

- *Căn cứ khoản 5 Điều 32; điểm v khoản 2 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

- *Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M.

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động giữa người sử dụng lao động là Công ty M với người lao động là Hoàng Thị Thanh Ng2 (Quyết định số 29/QĐTC-CTMT ngày 31-12-2003 về việc ký Hợp đồng lao động không xác định thời hạn của Công ty M) vô hiệu toàn bộ.

3. Án phí Lao động sơ thẩm chị Trần Thị Ng1 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)

Trả lại Công ty Cổ phần M 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) Công ty đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005189 ngày 18-3-2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố N.

4. Công ty Cổ phần M và chị Trần Thị Ng1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bảo hiểm xã hội tỉnh Nam Định được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Chị Hoàng Thị Thanh Ng2 quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố N;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố N;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mai Anh